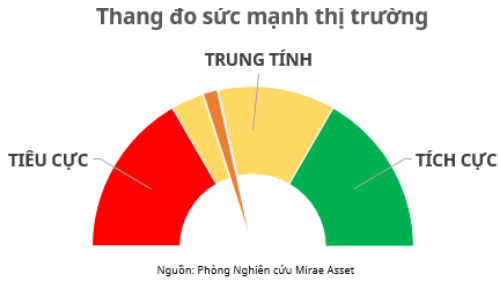


23 Tháng Bảy 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)



## Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,268.83	-2.35	-7.85	48.10
HNX	301.77	-1.95	-4.44	165.02
UPCOM	84.37	-1.12	-6.30	47.19
MSCI EM	1,326.38	-1.02	-2.51	23.09
NIKKEI	27,548.00	-3.71	-4.63	21.08
HANG SENG	27,321.98	-2.44	-5.19	8.15
KOSPI	3,254.42	-0.69	-0.66	46.85
FTSE	7,015.74	0.11	-0.82	12.95
S&P 500	4,367.48	0.17	2.96	34.98
NASDAQ	14,684.60	0.97	2.89	40.37

## Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.04	2.56	15.20
SET INDEX	27.94	1.65	6.16
JCI INDEX	N/A	2.08	-8.25
PCOMP INDEX	27.88	1.60	5.95

## Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.05	1	-4	-70
10 năm	2.16	0	-4	-72

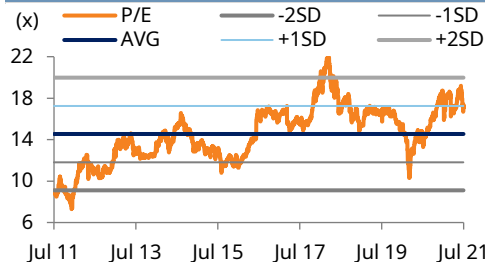
## Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,011	0.00	0.01	0.70
US\$/KRW	1,151	-0.93	-1.14	4.05
US\$/JPY	110	-0.36	0.44	-3.27
US\$/EUR	0.85	0.24	1.28	-1.53
US\$/GBP	0.73	0.23	1.66	-7.24
US\$/SGD	1.36	-0.21	-1.11	1.91

## Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	646	844	549
HNX	83	117	76
UPCOM	36	50	34

## Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



## Nhận định thị trường

### Ngân hàng trở thành gánh nặng của VN-Index trong tuần

VN-Index có tuần thứ 3 liên tiếp giảm điểm về mức 1.268,83 nhưng có phần khả quan hơn khi số chỉ số chỉ giảm 30,4 điểm trong tuần, thấp nhất trong 3 tuần. Trong tuần chỉ số cũng đã có diễn biến hồi phục khá tốt, sau phiên đầu tuần hoảng loạn, chỉ số có lúc đã chạm 1.225,52 giảm gần 70 điểm so với giá đóng cửa tuần trước. VN-Index sau đó đã có 3 phiên hồi phục lên mức cao nhất là 1.293 nhưng sau đó đã giảm hơn 24 điểm trong phiên cuối tuần cùng diễn biến giảm đồng loạt của nhóm ngân hàng.

Có đến 7/10 vị trí cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index thuộc về nhóm ngân hàng, hơn nữa còn lần lượt chiếm 6 vị trí dẫn đầu. Tổng mức ảnh hưởng của nhóm này lên VN-Index trong tuần hơn 19,2 điểm, trong đó VIB và VPB là 2 mã giảm mạnh nhất với mức giảm lần lượt 10,4% và 9,3%. Chiều tăng điểm dẫn đầu là VNM với mức ảnh hưởng +1 điểm.

Khối ngoại bán ròng cả 5 phiên trong tuần với tổng giá trị bán ròng gần 2.600 tỷ đồng, trong đó riêng VIC đã bị khối này bán ròng gần 2.000 tỷ đồng. KDH và MSB là mã bị bán ròng tiếp theo với giá trị bán ròng lần lượt 440 tỷ đồng và 219 tỷ đồng. Bên phía mua ròng, VNM và STB là 2 cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt là 294 tỷ đồng và 140 tỷ đồng.

Sau phiên giảm mạnh đầu tuần, VN-Index đã nỗ lực hồi phục để lấy lại số đã mất nhưng không thành công, diễn biến giằng co vẫn đang chiếm ưu thế trong ngắn hạn. Trong tuần sau chỉ số có thể sẽ hướng về vùng 1.237 – 1.250 để kiểm định lại hỗ trợ này. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-2 (TRUNG TÍNH)**.

**Phạm Bình Phương**, Analyst, 84-8-39102222, [phuong.pb@miraeeasset.com.vn](mailto:phuong.pb@miraeeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

**Thị trường trái phiếu:**

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 7.668 tỷ đồng, đạt 85,2% tổng lượng phát hành lần đầu và phát hành bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giảm về mức 2,5 lần từ mức 3,5 lần của tuần trước. Kỳ hạn 5 năm đã phát hành thành công toàn bộ 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,05% (-3bps); kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 2.400/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,15% (+0bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 2.268/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,43% (+0bps); Kỳ hạn 30 năm đã phát hành thành công toàn bộ 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 3,05% (+0bps).
- Tuần sau vào ngày 28/07 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

**Thị trường tiền tệ:**

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 14/07 – 21/07, lãi suất các kỳ hạn ngắn đã có mức tăng nhẹ, cụ thể kỳ hạn O/N tăng 3bps lên mức 0,95%, kỳ hạn 1 tuần lên mức 1,22% (+11bps) và kỳ hạn 2 tuần tăng 3bps lên mức 1,22%). Trong khi đó kỳ hạn 6 tháng ghi nhận mức tăng 61bps lên 3,04%. Chiều ngược lại kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng đã giảm lần lượt 25bps và 9bps về các mức 1,36% và 1,65%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 23/07/21 của NHNN đã tăng 0,073% so với cuối tuần trước, lên mức 23.209 VND/USD. Tỷ giá NHTM cũng ghi nhận mức tăng lần lượt 0,044% và 0,043% ở chiều mua và chiều bán lên mức 22.890 – 23.120 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã giảm 0,086% chiều mua và 0,215% chiều bán về mức 23.200 – 23.250 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/07/2021)	1,268.83	Kháng cự 1 <b>1.350</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 <b>1.380</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1 <b>1.243 – 1.270</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.200</b>

Sau phiên giảm mạnh đầu tuần, VN-Index đã nỗ lực hồi phục để lấy lại số đã mất nhưng không thành công, diễn biến giằng co vẫn đang chiếm ưu thế trong ngắn hạn. Trong tuần sau chỉ số có thể sẽ hướng về vùng 1.237 – 1.250 để kiểm định lại hỗ trợ này. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-2 (TRUNG TÍNH)**.

**Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)**



Nguồn: Fireant

## Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/07/2021)	1,401	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.520</b>
VN30 – đóng cửa	1.401	Hỗ trợ 1	<b>1.480</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-0,53</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.450</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
<b>VN30F1M (chart 15 phút)</b>	4	<b>KHẢ QUAN</b>
<b>VN30F1M (chart 60 phút)</b>	1	TRUNG TÍNH
<b>VN30F1M (chart ngày)</b>	-4	<b>TIÊU CỰC</b>

Hiện tại VN30F1M đang giao dịch giằng co quanh ngưỡng 1,400 điểm.. Nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao có thể mở vị thế long ở ngưỡng hỗ trợ mạnh 1,400. Còn đối với những nhà đầu tư còn lại có thể đứng ngoài quan sát theo dõi xu hướng.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
<b>+ Short</b>	n/a	<b>+ Long</b>	1400
<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	n/a	<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	1390
<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	n/a	<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	1450

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)

**ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG**

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
HPG	45.8	34,116,656	-2	TRUNG TÍNH	204,860	11.3	3.1
TCB	49.5	26,883,384	-4	TIÊU CỰC	173,493	10.7	2.1
VPB	58.5	18,781,540	-7	TIÊU CỰC	143,603	11.6	2.4
STB	28.7	32,765,296	-2	TRUNG TÍNH	51,765	19.2	1.7
SSI	50.6	13,619,085	-6	TIÊU CỰC	33,139	18.2	2.9
SHB	26.4	24,237,264	-2	TRUNG TÍNH	50,835	15.1	2.0
CTG	32.5	18,786,184	-2	TRUNG TÍNH	156,187	8.8	1.7
MBB	27.75	20,533,704	-4	TIÊU CỰC	104,848	10.0	2.0
VHM	107.6	4,322,110	-2	TRUNG TÍNH	353,952	13.7	3.9
HSG	34.95	12,930,800	0	TRUNG TÍNH	17,093	7.1	2.1
NVL	103	3,421,570	-4	TIÊU CỰC	151,781	33.4	4.8
KBC	32.1	10,520,720	-2	TRUNG TÍNH	15,079	19.6	1.5
PDR	88.6	3,595,805	-4	TIÊU CỰC	43,128	30.6	7.7
ACB	33	9,238,930	0	TRUNG TÍNH	89,164	10.3	2.4
FPT	90.5	3,331,705	1	TRUNG TÍNH	82,126	22.1	4.9
VND	41.7	7,194,670	0	TRUNG TÍNH	17,891	12.3	3.2
PVS	23.2	12,342,590	-2	TRUNG TÍNH	11,089	16.9	0.9
VNM	87.6	3,208,110	5	KHẢ QUAN	183,080	18.7	5.8
SHS	38.6	7,013,450	-4	TIÊU CỰC	8,001	7.5	2.2
HCM	45.25	5,823,630	-6	TIÊU CỰC	13,803	15.6	2.9
FLC	10.6	24,486,740	0	TRUNG TÍNH	7,526	5.5	0.8
BSR	17.2	14,994,945	0	TRUNG TÍNH	53,329	#N/A N/A	1.7
VIC	104	2,344,620	2	TRUNG TÍNH	351,773	47.8	4.4
MSN	119	1,729,825	0	TRUNG TÍNH	140,484	92.9	8.6
VCB	97	2,018,050	-4	TIÊU CỰC	359,761	17.0	3.6
LPB	23.6	8,193,405	-4	TIÊU CỰC	28,405	10.6	1.8
TPB	33	5,714,105	-2	TRUNG TÍNH	35,365	7.9	1.7
MWG	161.7	1,094,015	-6	TIÊU CỰC	76,858	17.9	4.4
NKG	31.5	5,273,035	-2	TRUNG TÍNH	5,733	3.9	1.2
VCI	47.4	3,392,640	-7	TIÊU CỰC	15,784	13.7	3.0
GVR	31	5,108,105	0	TRUNG TÍNH	124,000	28.4	2.6
IJC	23.95	6,311,480	2	TRUNG TÍNH	5,199	6.8	1.6
DXG	20.7	7,012,660	0	TRUNG TÍNH	10,729	#N/A N/A	1.6
KDH	38.4	3,618,880	6	KHẢ QUAN	23,927	19.7	2.8
BID	40.2	3,342,125	-4	TIÊU CỰC	161,685	19.6	2.0
AAA	15.55	8,627,105	-2	TRUNG TÍNH	4,615	11.1	0.9
DGC	92.4	1,445,605	7	KHẢ QUAN	15,808	15.7	3.5
HDB	32.35	4,062,280	-6	TIÊU CỰC	51,558	10.5	2.1
HDG	52.7	2,444,820	6	KHẢ QUAN	8,623	7.4	2.4
GEX	21.35	5,998,650	-4	TIÊU CỰC	16,678	12.7	1.8
VRE	27	4,592,200	-2	TRUNG TÍNH	61,353	23.0	2.0
GMD	42.5	2,748,705	4	KHẢ QUAN	12,809	34.1	2.1
FIT	14.85	7,628,440	-2	TRUNG TÍNH	3,783	55.5	1.2
DBC	51.5	2,134,555	-2	TRUNG TÍNH	5,935	4.8	1.3
PVD	17.2	6,162,480	-5	TIÊU CỰC	7,243	112.1	0.5
DIG	23.5	4,383,895	4	KHẢ QUAN	9,632	12.6	2.0
KDC	61	1,688,395	-4	TIÊU CỰC	13,954	31.1	2.4
TCH	18.5	5,551,480	2	TRUNG TÍNH	7,385	7.2	1.3
POW	10.5	9,208,335	2	TRUNG TÍNH	24,590	10.1	0.9
VIB	40.2	2,299,120	-7	TIÊU CỰC	62,436	11.9	3.2
NLG	39.6	2,300,535	6	KHẢ QUAN	11,297	10.1	1.7
NVB	17.1	5,215,430	-4	TIÊU CỰC	6,956	641.0	1.6

FRT	33.8	2,600,995	7	KHẢ QUAN	2,670	142.0	2.1
VIX	21.75	4,038,595	-2	TRUNG TÍNH	2,778	3.9	1.3
PLX	50.2	1,728,130	-2	TRUNG TÍNH	62,439	17.2	2.7
SCR	9.64	8,226,765	0	TRUNG TÍNH	3,532	20.0	0.8
GAS	88	871,455	-4	TIÊU CỰC	168,428	22.3	3.3
ROS	4.86	15,734,770	2	TRUNG TÍNH	2,759	151.6	0.5
MBS	28.3	2,618,250	-4	TIÊU CỰC	7,573	12.9	1.5
VJC	113.4	647,430	-7	TIÊU CỰC	61,419	50.3	4.1
PVT	17.6	4,080,705	0	TRUNG TÍNH	5,696	7.7	1.1
PNJ	91	783,260	-5	TIÊU CỰC	20,690	18.3	3.6
IDC	33.6	2,108,615	4	KHẢ QUAN	10,080	32.1	2.7
DRC	28.6	2,457,695	0	TRUNG TÍNH	3,397	10.0	2.0
HNG	8.25	8,080,560	-2	TRUNG TÍNH	9,146	351.4	1.0
DCM	18.4	3,574,260	5	KHẢ QUAN	9,741	16.4	1.5
VGZ	15.8	4,070,720	-2	TRUNG TÍNH	7,900	27.7	1.3
HAH	39.4	1,552,405	2	TRUNG TÍNH	1,867	11.3	1.6
VHC	39.75	1,501,330	0	TRUNG TÍNH	7,232	9.8	1.3
SBT	18.15	3,165,515	2	TRUNG TÍNH	11,201	16.1	1.4
BVH	50.4	1,131,955	0	TRUNG TÍNH	37,413	19.8	1.8
PET	19.7	2,799,995	-2	TRUNG TÍNH	1,646	10.2	1.0
DGW	138	394,790	2	TRUNG TÍNH	6,100	15.0	4.4
CTR	78.5	680,215	6	KHẢ QUAN	7,295	26.1	6.9
HDC	58.1	913,975	6	KHẢ QUAN	4,831	18.1	4.0
ITA	6.04	8,352,430	2	TRUNG TÍNH	5,667	27.3	0.5
DPM	22.05	2,206,380	4	KHẢ QUAN	8,629	11.4	1.1
HBC	12.75	3,710,780	0	TRUNG TÍNH	2,944	33.3	0.8
AGR	12.2	3,526,660	-6	TIÊU CỰC	2,577	12.2	1.2
TNG	21.1	1,994,110	4	KHẢ QUAN	1,678	11.2	1.4
TTF	7.04	5,865,425	2	TRUNG TÍNH	2,191	#N/A N/A	#N/A N/A
SMC	40.7	972,495	7	KHẢ QUAN	2,480	2.6	1.1
HHV	17.6	2,214,065	-4	TIÊU CỰC	4,706	30.2	0.8
E1VFN30	23.82	1,549,555	-4	TIÊU CỰC	8,987	#N/A Field	#N/A Field
PHR	49.2	747,285	-2	TRUNG TÍNH	6,667	9.4	2.2
VPI	35.95	1,016,245	4	KHẢ QUAN	7,190	23.6	2.6
SZC	38.8	937,270	6	KHẢ QUAN	3,880	15.5	2.9
VCS	115.8	312,365	7	KHẢ QUAN	18,527	13.7	4.4
VPG	44.65	804,215	4	KHẢ QUAN	1,925	5.6	2.5
BSI	20.4	1,759,370	-6	TIÊU CỰC	2,480	10.0	1.6
CTS	20.2	1,729,880	-2	TRUNG TÍNH	2,149	7.5	1.5
CII	16.2	2,146,870	0	TRUNG TÍNH	3,870	291.2	0.8
SBS	11.8	2,847,670	-6	TIÊU CỰC	1,495	1,301.0	7.2
ORS	22	1,495,275	-4	TIÊU CỰC	2,200	20.9	3.5
BVS	26.5	1,220,535	-2	TRUNG TÍNH	1,913	10.8	1.0
TLH	14.25	2,263,550	-4	TIÊU CỰC	1,434	18.8	0.9
ART	8.3	3,880,295	0	TRUNG TÍNH	804	30.8	0.7
PAN	25.6	1,222,355	5	KHẢ QUAN	5,348	27.2	1.5
REE	51.5	604,395	-2	TRUNG TÍNH	15,916	8.9	1.3
NTL	26.3	1,174,980	2	TRUNG TÍNH	1,604	5.2	1.4

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### ECB cảnh báo biến thể Delta đe dọa triển vọng phục hồi kinh tế

Ngày 22/7, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) Christine Lagarde lên tiếng cảnh báo tình hình kinh tế vẫn tiềm ẩn "bất ổn" do sự lây lan mạnh mẽ của biến thể Delta của virus SARS-CoV-2.

Phát biểu sau cuộc họp chính sách cùng ngày của ECB, Chủ tịch Lagarde đánh giá nền kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (eurozone) đang phục hồi "mạnh mẽ" và "đúng hướng", song đại dịch Covid-19 với biến thể Delta tiếp tục "phủ bóng" lên triển vọng nền kinh tế.

Biến thể này có khả năng lây lan nhanh chóng, đe dọa kéo lùi đà khởi sắc trong các lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là ngành du lịch và khách sạn.

Bà Lagarde cho biết ECB sẽ "kiên nhẫn" trong việc hỗ trợ các nước trong khu vực vượt qua cuộc khủng hoảng y tế, qua đó phát đi tín hiệu rằng ECB sẽ tiếp tục duy trì các lãi suất chủ chốt ở mức thấp lâu hơn.

Người đứng đầu ECB cũng cho biết chương trình khẩn cấp thu mua trái phiếu trong đại dịch (PEPP) trị giá 1.850 tỷ euro (2.200 tỷ USD) sẽ tiếp tục được duy trì ít nhất tới tháng 3/2022, hoặc tới khi ECB "đánh giá giai đoạn khủng hoảng Covid-19 đã kết thúc".

### Vốn đầu tư mạo hiểm toàn cầu đạt kỷ lục

Vốn đầu tư mạo hiểm toàn cầu đang ở mức cao kỷ lục trong năm nay, chủ yếu nhờ thị trường chứng khoán tăng điểm mạnh, thanh khoản cao và các nhà đầu tư quan tâm nhiều hơn tới những lĩnh vực được hưởng lợi bởi đại dịch Covid-19.

Theo số liệu của Refinitiv, các quỹ đầu tư mạo hiểm toàn cầu đã đầu tư 268,7 tỷ USD tính đến thời điểm hiện tại của năm 2021, vượt xa mức 251,2 tỷ USD của cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn vốn đổ vào các doanh nghiệp sản xuất phần mềm, thương mại điện tử, y tế số và fintech. Đây đều là những lĩnh vực ghi nhận nhu cầu sử dụng tăng mạnh trong đại dịch.

### Loạt doanh nghiệp ở Đồng Nai ngưng sản xuất

Từ 0 giờ ngày 22/7, hàng loạt doanh nghiệp (DN) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã phải tạm ngưng hoạt động vì không đáp ứng được yêu cầu "3 tại chỗ" (doanh nghiệp phải lo đủ điều kiện cho công nhân ăn, ở, làm việc tại nhà máy) hoặc "một cung đường, 2 địa điểm" của chính quyền tỉnh này, từ đó dẫn đến nguy cơ đứt gãy chuỗi sản xuất, kéo theo nhiều thiệt hại cho DN và người lao động.

Tính đến 22/7, toàn tỉnh Đồng Nai đã có gần 230 DN tạm dừng hoạt động do không đáp ứng được quy định "3 tại chỗ" về phòng, chống dịch của tỉnh Đồng Nai, hầu hết là các doanh nghiệp FDI của các tập đoàn lớn với hàng trăm ngàn lao động. Trước thời điểm quy định có hiệu lực, hàng loạt doanh nghiệp của các tập đoàn lớn có số người lao động (NLD) từ trên 10 ngàn đến trên 40 ngàn người cũng đã thông báo tạm dừng hoạt động, cho NLD được tạm nghỉ việc hưởng lương tối thiểu vùng theo quy định.

### Nhà đầu tư để sẵn 86.000 tỷ đồng chưa giải ngân tại các CTCK vào cuối quý II

TTCK Việt Nam vừa bước qua nửa đầu năm 2021 thăng hoa rực rỡ với sự bứt phá mạnh của các chỉ số chứng khoán. Kết thúc phiên giao dịch 30/6, chỉ số VN-Index dừng tại 1.408,55 điểm, tăng 27,6% so với đầu năm và là chỉ số chứng khoán tăng mạnh thứ 2 trên thế giới.

Diễn biến tích cực của thị trường trong những tháng qua có vai trò không nhỏ từ các nhà đầu tư mới, hay gọi là nhà đầu tư "F0". Số liệu từ VSD cho biết trong nửa đầu năm 2021, nhà đầu tư trong nước mở mới hơn 620 nghìn tài khoản chứng khoán, lớn hơn tổng lượng tài khoản mở mới trong năm 2020 và 2019 cộng lại.

Số liệu từ các CTCK cho biết vào cuối quý II/2021, số dư tiền gửi của khách hàng tại các CTCK vào khoảng 86.000 tỷ đồng, tăng khoảng 21.000 tỷ đồng so với quý trước và đây là con số kỷ lục trong lịch sử. Trong đó chủ yếu là tiền gửi của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý. Đây là lượng tiền đang nằm sẵn trong tài khoản nhà đầu tư và chưa thực hiện giải ngân vào thời điểm 30/6/2021.

### Giá thuê mỗi m2 lên tới 175 USD, bất động sản công nghiệp vẫn đối diện nhiều thách thức



Báo cáo mới đây của Colliers Việt Nam cho biết kể từ năm ngoái, quá trình chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc cũng như một loạt các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) được ký kết đã làm tăng nhu cầu về đất công nghiệp tại Việt Nam. Nhiều khu công nghiệp (KCN) mới được quy hoạch hoặc xây dựng nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu này.

Tuy nhiên, đến quý II, nguồn cung KCN tại các thị trường lớn bị gián đoạn do tác động của dịch Covid-19, đặc biệt khi Bắc Ninh và Bắc Giang ghi nhận nhiều ca nhiễm mới tại các KCN. Trước đó, Hà Nội đã lên kế hoạch có 23 cụm công nghiệp trong quý II nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có thêm thông tin. Hiện tổng số KCN trên địa bàn thủ đô vẫn là 9 khu với 1.369 ha.

Tương tự, TP HCM cũng không có nguồn cung mới trong quý II, 18 khu công nghiệp đang hoạt động và cung cấp khoảng 3.700 ha đất công nghiệp cho thuê. Mới đây, thành phố đã trình Chính phủ phê duyệt KCN công nghệ cao với diện tích 384 ha tại huyện Hóc Môn, tuy nhiên đến nay chưa có thông tin cập nhật về KCN này.

### **PVGas (GAS) báo lãi quý 2 hơn 2.300 tỷ đồng, 6 tháng hoàn thành 62% kế hoạch lợi nhuận cả năm**

Tổng công ty Khí Việt Nam (Mã chứng khoán: GAS) đã công bố báo cáo tài chính quý 2 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2021.

Theo đó, riêng quý 2, GAS ghi nhận doanh thu đạt 22.702 tỷ đồng, tương đương mức tăng 45% so với cùng kỳ, giá vốn hàng bán tăng với tốc độ chậm hơn nên lợi nhuận gộp đạt 3.782 tỷ đồng, tăng gần 57,5% so với quý 2/2021.

Trong kỳ báo cáo, doanh thu hoạt động tài chính đạt 204 tỷ đồng, chỉ bằng một nửa so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, chi phí bán hàng tăng 11% lên hơn 491 tỷ đồng; trong khi đó GAS chịu thêm áp lực tăng chi phí QLDN mạnh, từ 167 tỷ đồng trong quý 2/2020 vọt lên gần 438 tỷ đồng.

Khấu trừ các khoản chi phí và thuế, Tổng Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt hơn 2.301 tỷ đồng, tăng trưởng 34,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Lũy kế nửa đầu năm 2021, GAS ghi nhận doanh thu đạt xấp xỉ 40.272 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế theo đó ghi nhận 4.359 tỷ đồng, lần lượt tăng 23,2% và 4,1% so với thực hiện trong 6 tháng đầu năm trước. EPS 6 tháng đạt 2.116 đồng

### **Gilimex lãi quý II gấp gần 2 lần, đạt 115 tỷ đồng**

Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Gilimex, HoSE: GIL) công bố BCTC hợp nhất quý II với lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 115 tỷ đồng, gấp gần 2 lần cùng kỳ năm trước.

Doanh nghiệp cho biết lợi nhuận trong quý tăng mạnh nhờ doanh thu tăng và có thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất bán. Doanh thu thuần cả quý đạt 1.258 tỷ đồng, tăng 37%. Giá vốn tăng ít hơn nên lãi gộp tăng 73% lên 247 tỷ đồng.

Các chi phí hoạt động đều tăng so với cùng kỳ, trong đó chi phí bán hàng tăng 40%, chi phí quản lý tăng 25%, song chi phí tài chính giảm 23% về 11,6 tỷ đồng. Doanh thu tài chính giảm 31% xuống 14,4 tỷ đồng, chủ yếu do giảm lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.

Lũy kế 6 tháng, doanh thu tăng 30% đạt 2.122 tỷ đồng; lãi sau thuế 186,1 tỷ đồng, tăng gần 82% so với cùng kỳ năm trước. EPS tăng 18,6% lên 5.383 đồng. Với kết quả này, doanh nghiệp đã hoàn thành 70,7% chỉ tiêu doanh thu và vượt 3% chỉ tiêu lợi nhuận.

### **Giá mũ gấp rưỡi cùng kỳ, Cao Su Đòng Phú báo lãi tăng 23%**

Cao su Đòng Phú (HoSE: DPR) công bố BCTC hợp nhất quý II với doanh thu thuần tăng 11% lên 218 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết sản lượng tiêu thụ trong quý đạt 2.431 tấn, tăng 35%; giá bán bình quân 45,9 triệu đồng/tấn, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước.

Giá vốn tăng thấp hơn nên lãi gộp tăng 35% lên 56 tỷ đồng. Biên lãi gộp cải thiện từ 21,1% lên 25,7%.

Doanh thu tài chính giảm 39% xuống 9,7 tỷ đồng, chi phí tài chính giảm 57% xuống 2,5 tỷ đồng, chi phí bán hàng tăng 40% lên 5,6 tỷ đồng. Đồng thời, hoạt động khác tăng lãi từ 4,4 tỷ lên 6 tỷ đồng.



Theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt 34,7 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 32 tỷ đồng, tăng 23%.

Lũy kế nửa đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu 420 tỷ đồng, tăng 41%; lãi sau thuế 86 tỷ đồng, tăng 66%. Dù vậy, so với kế hoạch năm, đơn vị mới thực hiện 25% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế.

### **Hóa chất Đức Giang lên kế hoạch lãi 400 tỷ quý III, tăng 70%**

Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (HoSE: DGC) lên kế hoạch doanh thu hợp nhất quý III đạt 2.260 tỷ đồng, lãi sau thuế hợp nhất 400 tỷ đồng; lần lượt tăng 45% và 70% so với cùng kỳ năm trước. Nếu thực hiện được, đây sẽ là kỷ lục lợi nhuận mới của tập đoàn vượt qua con số ghi nhận trong quý II (333 tỷ đồng).

Trong quý II, doanh thu tăng 29% đạt 2.039 tỷ đồng; lãi sau thuế 333 tỷ đồng, tăng 24%. Lũy kế nửa đầu năm, doanh thu tăng 29% lên 3.988 tỷ đồng và lãi sau thuế tăng 35% lên 625 tỷ đồng. Doanh nghiệp hoàn thành 53% chỉ tiêu doanh thu và 67% chỉ tiêu lợi nhuận sau 6 tháng.

Hóa chất Đức Giang cho biết sản lượng tiêu thụ của hầu hết các mặt hàng như phốt pho vàng, axit phosphoric trích ly, phân bón đều tăng giúp doanh thu tăng. Đồng thời, sự đổi mới về công nghệ giúp doanh nghiệp giảm chi phí điện năng, chi phí nguyên liệu đầu vào như quặng apatit, than.

Trong quý III, doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 195 tỷ cho đầu tư xây dựng cơ bản. Trong đó, 120 tỷ để khởi công xây dựng nhà máy phospho đỏ, 50 tỷ bồn chứa HPO và đường ống tại Đình Vũ, 15 tỷ dây chuyền xử lý supe lân giàu và 10 tỷ hoàn chỉnh dây chuyền HPO điện tử.

### **Lãnh đạo Techcombank: Ngân hàng chưa có kế hoạch chia cổ tức trong năm nay**

Chia sẻ tại buổi gặp gỡ với nhà đầu tư và cập nhật kết quả kinh doanh quý 2, Phó Tổng Giám đốc thường trực Techcombank - ông Phùng Quang Hưng cho biết hiện ngân hàng chưa có kế hoạch chia cổ tức trong năm nay. Tuy nhiên, trong tương lai, nếu kế hoạch thay đổi, ban lãnh đạo sẽ báo cáo tới các nhà đầu tư.

Trước đó, tại ĐHĐCĐ thường niên, Chủ tịch HĐQT Hồ Hùng Anh cho biết hiện nhiều ngân hàng chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Techcombank không đặt nặng về vốn điều lệ mà vốn chủ sở hữu mới thực sự quan trọng. Việc chia hay không chia cổ tức để tăng vốn không quan trọng vì ngân hàng đã tăng đủ, quan trọng là làm sử dụng thế nào để giá trị ngân hàng tăng lên.

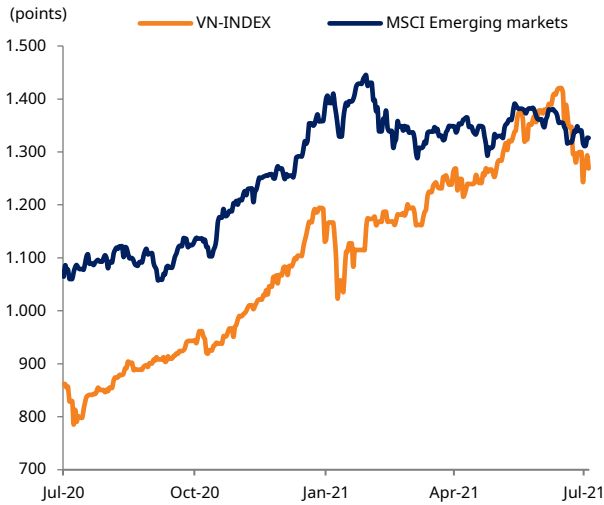
Theo báo cáo tài chính công bố mới đây, 6 tháng đầu năm 2021, Techcombank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt hơn 11.500 tỷ đồng, tăng 71,2% so với cùng kỳ năm trước. Tổng thu nhập hoạt động (TOI) tăng 52,1% so với cùng kỳ, đạt 18,1 nghìn tỷ đồng với các mảng kinh doanh đều tăng trưởng khả quan.

Cuối quý 2/2021, tổng tài sản Techcombank đạt 504,3 nghìn tỷ đồng, tăng 14,7% so với đầu năm. Tổng dư nợ tín dụng của khách hàng tại 30/06/2021 đạt 353,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2%.

Bản tin thị trường

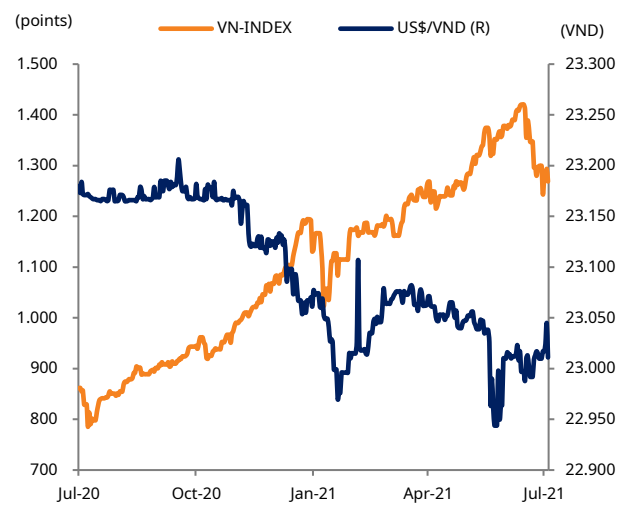
# Chỉ báo tham khảo

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



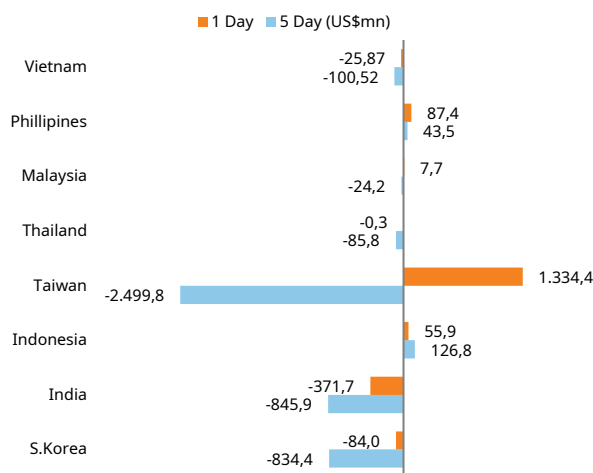
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



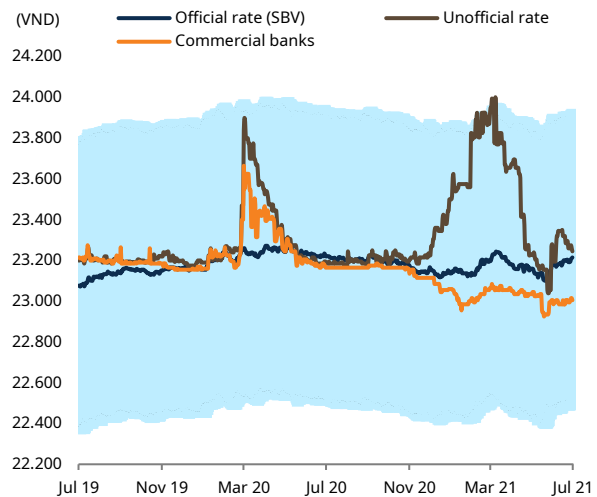
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



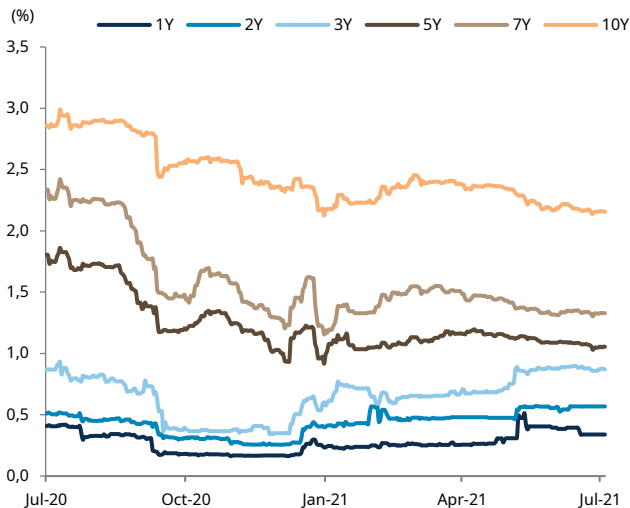
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



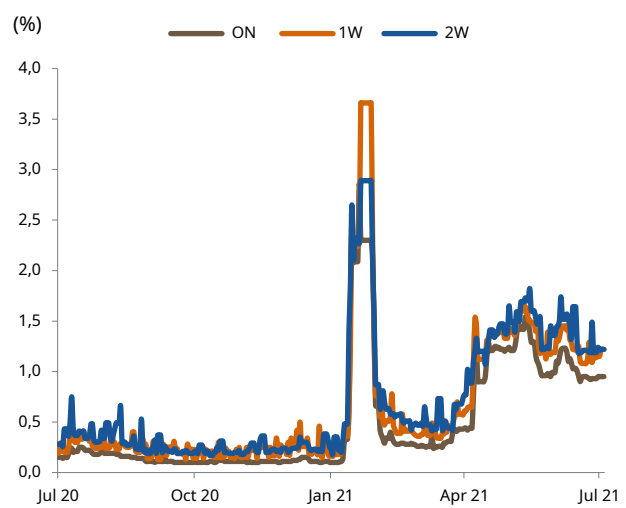
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,401.53</b>	<b>3,429,150</b>		<b>-1.9</b>	<b>-2.5</b>	<b>-5.9</b>	<b>75.1</b>	<b>13.2</b>	<b>11.4</b>	<b>2.5</b>	<b>2.1</b>	<b>14.9</b>	<b>15.7</b>	<b>22.9</b>	<b>20.6</b>
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,200	161,685	16.7	-2.0	-5.4	-11.5	0.9	17.1	12.5	1.8	1.6	62.2	36.8	11.9	14.5
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	50,400	37,413	26.8	-0.8	-1.2	-14.3	9.8	21.8	19.4	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,500	156,187	24.6	-3.0	-6.2	-20.4	79.6	7.1	6.3	1.3	1.1	60.3	12.8	20.4	19.7
CTCP FPT	FPT VN	90,500	82,126	49.0	1.2	4.3	6.6	118.0	20.1	16.7	4.5	3.9	25.9	20.0	25.0	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,000	168,428	2.8	-1.6	-2.2	-6.3	23.8	17.3	15.2	3.2	2.9	26.5	14.0	19.4	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	32,350	51,558	18.0	-0.2	-3.3	-5.5	100.7	9.4	7.8	1.8	1.5	29.3	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	45,800	204,860	26.8	-3.0	-2.0	-10.9	163.1	7.4	7.0	2.3	1.7	118.0	5.8	37.9	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	38,400	23,927	33.0	-2.0	3.9	4.2	78.8	19.9	14.7	2.6	2.2	3.0	35.4	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,750	104,848	21.8	-2.1	-4.6	-10.6	155.0	8.2	7.0	1.5	1.2	54.9	16.5	21.3	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	119,000	140,484	33.4	-3.2	-1.2	11.4	120.8	50.6	29.4	6.8	5.5	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	161,700	76,858	49.0	-2.1	-3.8	12.3	94.8	15.2	12.5	3.8	3.1	22.8	21.7	26.6	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,000	151,781	9.2	-1.8	-1.5	-8.0	124.4	27.9	30.6	4.4	4.3	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	88,600	43,128	4.0	-1.7	-1.8	2.9	372.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,200	62,439	17.3	-1.4	-1.8	-11.2	9.1	18.2	15.3	2.6	2.5	303.1	18.4	16.0	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	91,000	20,690	49.0	-2.3	-5.2	-7.9	54.2	15.8	12.3	3.3	2.8	33.8	28.3	23.8	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,500	24,590	3.0	1.4	-0.9	-14.6	8.8	12.0	10.6	0.8	0.8	-12.6	13.6	7.1	7.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,500	15,916	49.0	-2.5	-0.8	-9.5	53.3	8.8	7.1	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,150	11,201	8.9	-1.6	-4.5	-16.0	23.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	50,600	33,139	48.7	-3.1	-4.2	1.4	239.6	25.2	20.5	3.7	3.4	2.3	23.0	14.1	14.5
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,700	51,765	14.3	2.5	0.9	-3.5	155.1	22.1	14.8	1.7	1.5	4.3	48.9	8.9	11.8
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,500	173,493	22.5	-3.1	-4.1	-3.1	143.8	10.6	9.1	1.9	1.6	32.3	17.5	19.9	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	18,500	7,385	13.5	-3.4	-3.6	-16.3	-15.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	33,000	35,365	30.0	-2.5	-2.7	-7.7	88.4	7.9	6.5	1.6	1.3	23.5	20.1	22.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,000	359,761	23.6	-3.3	-5.4	-11.6	17.6	15.6	13.4	3.1	2.5	38.9	16.6	22.1	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	107,600	353,952	23.2	-3.1	-1.3	-3.3	36.5	11.6	10.2	3.1	2.4	11.8	13.5	31.7	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	104,000	351,773	15.8	-2.1	-1.7	-11.0	15.6	56.5	55.7	3.9	3.6	8.9	1.4	7.2	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	113,400	61,419	18.3	-0.5	-1.7	-1.5	5.1	151.2	23.2	3.3	2.7	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,600	183,080	55.1	0.9	2.0	-2.7	-8.0	17.9	16.9	5.6	5.3	2.4	6.1	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	58,500	143,603	15.4	-3.8	-9.3	-15.2	160.0	10.3	9.8	1.9	1.6	32.5	5.2	25.5	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,000	61,353	30.6	-4.3	-2.5	-14.3	-4.6	22.0	17.9	2.0	1.8	16.9	23.3	8.9	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>-30.48</b>	<b>4,858,800</b>	<b>-1.9</b>	<b>-2.3</b>	<b>-7.8</b>	<b>48.1</b>	<b>15.0</b>	<b>12.5</b>	<b>2.5</b>	<b>2.1</b>	<b>13.3</b>	<b>20.0</b>	<b>20.0</b>	<b>18.9</b>
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,048	-1.3	-0.1	-6.8	49.1	6.6	6.0	1.2	1.1	34.7	9.8	12.7	12.2
Ngân hàng	-21.30	1,563,855	-2.5	-4.6	-10.1	63.8	12.5	10.1	2.0	1.7	38.4	19.9	19.4	18.7
Xây dựng cơ bản	-0.02	168,681	-1.1	0.1	-6.6	56.9	6.3	4.7	0.4	0.3	12.1	26.7	7.6	8.0
Dịch vụ thương mại	0.02	4,654	1.0	2.2	1.1	17.4	7.2	5.6	NA	NA	18.8	27.9	10.0	12.1
May mặc và trang sức	-0.20	42,497	-1.1	-1.3	-5.6	127.5	12.2	9.8	2.4	2.0	40.9	23.2	17.7	17.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	7,843	0.0	-1.2	-6.7	6.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-1.13	85,949	-2.7	-4.6	-3.6	212.2	15.6	12.3	2.5	2.3	18.9	28.6	12.7	13.7
Năng lượng	-0.60	78,224	-1.7	-2.7	-12.8	20.7	18.6	14.3	2.2	2.1	NA	28.7	13.9	14.7
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.73	512,651	-1.0	-0.5	-1.9	31.1	25.4	18.4	4.8	4.2	43.6	29.8	20.7	22.1
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.02	832	-3.0	9.1	-10.6	15.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	1,850	-0.3	1.2	0.5	3.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.01	45,819	-0.7	0.0	-10.5	17.6	19.0	17.0	1.6	1.5	14.9	11.4	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	-1.10	461,841	-1.7	-0.8	-8.4	145.6	46.9	12.2	1.9	0.9	93.1	-3.6	24.4	19.0
Giải trí và truyền thông	0.00	1,321	-0.6	-1.3	-12.6	-26.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.01	34,995	-0.9	-4.8	-12.1	27.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-4.13	1,149,103	-0.7	-0.1	-4.2	22.8	8.6	7.5	1.4	1.0	9.8	13.2	9.0	9.4
Bán lẻ	-0.83	85,624	-2.3	-1.3	-7.6	58.4	26.4	25.7	2.9	2.6	14.7	17.5	15.5	14.3
Phần mềm và dịch vụ	0.90	86,409	-1.8	-3.4	11.7	88.1	14.5	11.8	3.5	2.8	35.4	20.7	24.1	24.4
Thiết bị và phần cứng	0.09	6,100	1.1	4.0	6.1	114.2	19.1	15.9	4.2	3.7	28.2	21.5	23.7	24.5
Dịch vụ viễn thông	-0.09	1,347	-2.4	6.0	15.0	225.5	14.6	12.5	3.9	3.2	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	-0.41	156,448	0.0	-20.5	0.0	213.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.18	248,585	-1.2	-0.9	-3.4	26.5	62.6	11.7	22.5	1.3	NA	NA	-65.4	21.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	87,600	2.0	3,058,860	1.0
FPT VN	90,500	4.3	4,082,600	0.9
SSB VN	37,550	3.9	1,861,320	0.5
DGC VN	92,400	12.5	2,063,160	0.5
OCB VN	28,300	3.1	3,488,020	0.3
KDH VN	38,400	3.9	7,004,200	0.2
NLG VN	39,600	6.5	3,343,580	0.2
DCM VN	18,400	5.1	3,267,580	0.1
STB VN	28,700	0.9	31,357,780	0.1
VCG VN	44,800	2.1	457,400	0.1

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	97,000	-5.4	1,909,600	-5.5
VPB VN	58,500	-9.3	10,851,320	-4.0
CTG VN	32,500	-6.2	16,054,540	-2.8
BID VN	40,200	-5.4	2,071,300	-2.5
TCB VN	49,500	-4.1	23,148,500	-2.0
VIB VN	40,200	-10.4	1,878,160	-2.0
VIC VN	104,000	-1.7	2,415,540	-1.6
MBB VN	27,750	-4.6	14,396,360	-1.4
VHM VN	107,600	-1.3	3,263,020	-1.2
HPG VN	45,800	-2.0	30,425,280	-1.2

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.